

# GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA HỢP TÁC VÀ ĐẤU TRANH TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

PHẠM XUÂN THIÊN\*

*Hội nhập quốc tế là xu thế phát triển khách quan, tuy nhiên, đối với mỗi quốc gia, hội nhập quốc tế luôn là một quá trình phức tạp, vừa mang đến những cơ hội phát triển vừa mang đến những thách thức với nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Bài viết phân tích, luận giải những vấn đề đang đặt ra đối với việc giải quyết mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh trong hội nhập quốc tế của Việt Nam và một số nội dung liên quan nhằm góp phần thúc đẩy quá trình chủ động, tích cực hội nhập quốc tế của Việt Nam.*

*Từ khóa:* hội nhập quốc tế, hợp tác và đấu tranh, cơ hội, đấu tranh

*Nhận bài ngày:* 9/10/2020; *đưa vào biên tập:* 11/12/2020; *phản biện:* 17/12/2020; *duyet đăng:* 6/1/2021

## 1. DẪN NHẬP

Hiện nay, thuật ngữ “Hội nhập quốc tế” được sử dụng khá phổ biến. Mặc dù có nhiều cách tiếp cận khác nhau nhưng nhìn chung các nhà nghiên cứu đều thừa nhận hội nhập quốc tế là một xu hướng phát triển tất yếu khách quan, xuất phát từ sự phát triển của lực lượng sản xuất với tính chất xã hội hóa và phân công lao động ngày càng sâu sắc vượt khỏi biên giới quốc gia, mở rộng ra khu vực và toàn cầu.

Trước xu thế phát triển của hội nhập quốc tế, ngày 27/11/2001, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Nghị

quyết số 07-NQ/TW “Về hội nhập kinh tế quốc tế”. Ngày 14/3/2002, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 37/2002/QĐ-TTg, ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế. Từ đó đến nay, đường lối hội nhập quốc tế của Việt Nam thực hiện nhất quán theo nghị quyết. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam (2016) tiếp tục khẳng định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một

\* Trường Chính trị tỉnh Hải Dương.

nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016: 235-236).

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, mối quan hệ và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trở nên phổ biến và không ngừng mở rộng. Theo Phạm Quốc Trụ (2011) “Hội nhập quốc tế được hiểu như là quá trình các nước tiến hành các hoạt động tăng cường sự gắn kết họ với nhau dựa trên sự chia sẻ về lợi ích, mục tiêu, giá trị, nguồn lực, quyền lực (thậm quyền định đoạt chính sách) và tuân thủ các luật chơi chung trong khuôn khổ các định chế hoặc tổ chức quốc tế”. Có thể thấy, không giống sự hợp tác quốc tế thông thường, hội nhập quốc tế đã mang ý nghĩa rộng lớn và sâu sắc hơn, đòi hỏi tính kỷ luật cao của các chủ thể tham gia. Hội nhập quốc tế đòi hỏi sự tham gia chủ động, tích cực của các quốc gia vào đời sống quốc tế nhằm khai thác hiệu quả những lợi thế quốc gia và lợi thế quốc tế cho sự phát triển, đồng thời thực hiện các nghĩa vụ quốc gia đối với các cam kết quốc tế, luật pháp quốc tế mà quốc gia dân tộc đã ký kết hoặc tham gia.

## **2. TÍNH HAI MẶT CỦA HỘI NHẬP QUỐC TẾ - VỪA HỢP TÁC VỪA ĐẤU TRANH**

Hội nhập quốc tế diễn ra với quy mô, phương thức, cấp độ khác nhau, song xu hướng chung là các quốc gia tăng cường liên kết; thúc đẩy hợp tác trên nhiều lĩnh vực nhằm phát huy tốt nhất các nguồn lực, tạo động lực, môi trường phát triển nhanh các lĩnh vực

kinh tế - xã hội. Hội nhập quốc tế, không chỉ từ các quốc gia có GDP hàng ngàn tỷ USD<sup>(1)</sup>, mà còn có nhiều quốc gia với GDP rất thấp<sup>(2)</sup>. Hội nhập quốc tế tạo cơ hội tiếp cận nguồn vốn lớn, tiếp cận những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại; tiếp cận nguồn nhân lực chất lượng cao; cơ hội mở rộng thị trường để thúc đẩy thương mại và các quan hệ kinh tế quốc tế khác... Song, với những quốc gia đang phát triển hội nhập quốc tế làm gia tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế quốc gia vào kinh tế khu vực và thế giới; hội nhập càng sâu rộng thì những tác động, nhất là những tác động tiêu cực từ bên ngoài ngày càng nhanh và nặng nề, nền kinh tế có thể khó kiểm soát và dễ bị tổn thương... Bên cạnh đó, các quốc gia, vùng lãnh thổ có xu hướng kéo lợi ích về phía mình, đẩy rủi ro sang các nước đang phát triển; hơn nữa, sự gia tăng áp lực cạnh tranh có thể làm cho những khó khăn, thách thức càng trầm trọng hơn. Mặc dù vậy, với những quốc gia giải quyết tốt mối quan hệ giữa cơ hội và thách thức; “vừa hợp tác vừa đấu tranh” thì thực tế lợi ích vẫn lớn hơn.

“Vừa hợp tác vừa đấu tranh” không phải là sự kết hợp cơ học, chiết trung, mà là sự thống nhất biện chứng, được hình thành trên cơ sở kinh tế, chính trị - xã hội và lịch sử - văn hóa... Thực tiễn cho thấy, mọi hoạt động của con người, suy cho cùng, là nhằm tìm kiếm lợi ích hoặc những điều kiện để thực hiện những lợi ích khác nhau. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995: 141) viết:

“Lịch sử - không làm gì hết, nó ‘không có tính phong phú vô cùng tận nào cả’, nó ‘không chiến đấu ở những trận nào cả’! Không phải ‘lịch sử’, mà chính con người, con người thực sự, con người sống mới là kẻ làm ra tất cả những cái đó, có tất cả những cái đó và chiến đấu cho tất cả những cái đó. ‘Lịch sử’ không phải là một nhân cách đặc thù nào đó sử dụng con người làm phương tiện đạt tới các mục đích của mình. Lịch sử chẳng qua chỉ là hoạt động của con người theo đuổi mục đích của bản thân mình”.

Trong hội nhập quốc tế, lợi ích (đặc biệt là lợi ích quốc gia) trở thành cơ sở xác lập mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh. Xuất phát từ những lợi ích khác nhau mà quan hệ giữa con người với con người và ngay cả quốc gia với quốc gia vừa thống nhất, vừa mâu thuẫn. Hợp tác được thực hiện khi các bên chủ thể lợi ích “cùng có lợi”. Tất nhiên, trong khi hợp tác để thực hiện lợi ích, sự khác biệt, mâu thuẫn có thể dần dần bộc lộ. Những mâu thuẫn về lợi ích ấy chỉ có thể được giải quyết thông qua con đường đấu tranh. Cũng thông qua quá trình đấu tranh, sự khác biệt, mâu thuẫn được giải quyết; những lợi ích “giống nhau”, những điều kiện “tương đồng” lại xuất hiện và mở ra cơ hội cho hợp tác.

Với ý nghĩa đó, “hợp tác” và “đấu tranh” không tồn tại chung chung, trừu tượng mà luôn được xác định trong những mối quan hệ cụ thể với những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Trong đó,

hợp tác là kết quả của đấu tranh và đấu tranh là nhằm thúc đẩy hợp tác lên một tầm cao mới với những nội dung và hình thức mới. Đồng thời, dù ở mức độ nào và trên lĩnh vực gì thì đấu tranh cũng không loại trừ hoàn toàn mọi cơ hội của hợp tác. Thực tiễn lịch sử đương đại chứng minh rằng, không có bạn bè hay kẻ thù vĩnh viễn, chỉ có lợi ích quốc gia là vĩnh viễn (Vũ Văn Hiền, 2020).

Trong một thế giới “phẳng” đa dạng, đầy biến động khó lường ngày nay thì việc giành lấy lợi ích cơ bản lại có thể được thực hiện từng bước thông qua việc giành những lợi ích không cơ bản. Điều ấy cũng có nghĩa là, việc giành lấy lợi ích quốc gia chỉ có thể được thực hiện thông qua hợp tác và đấu tranh để thực hiện hàng loạt những lợi ích của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp... Hợp tác và đấu tranh trong hội nhập quốc tế có mối quan hệ biện chứng, “phản ánh sự thống nhất và mâu thuẫn về lợi ích giữa các cá nhân, các tổ chức kinh tế, các quốc gia dân tộc...; trong đó, hợp tác, thống nhất về lợi ích là điều kiện cho đấu tranh, còn đấu tranh, giải quyết mâu thuẫn thúc đẩy hợp tác phát triển” (Phạm Xuân Thiên, 2015: 37). Hiện nay, các chủ thể có xu hướng liên kết, hợp tác để thực hiện lợi ích có hiệu quả hơn. Điều này làm cho hợp tác có phần nổi trội và về hình thức như là sự tự nguyện, nhưng về thực chất đó là sự ràng buộc, sự phụ thuộc và quy định lẫn nhau. Trong quá trình hợp tác, mâu thuẫn giữa các chủ thể kinh tế có

thể nảy sinh từ sự khác nhau trong việc phân chia lợi ích. Khi sự khác nhau đó không làm ảnh hưởng đến lợi ích cơ bản thì hợp tác được duy trì. Còn khi sự khác nhau đó đã làm cho lợi ích cơ bản không thực hiện được sẽ xuất hiện mâu thuẫn và đấu tranh.

### **3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆC GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA HỢP TÁC VÀ ĐẤU TRANH TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM**

Tính chất hai mặt “vừa hợp tác vừa đấu tranh” của hội nhập quốc tế làm cho các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam, rơi vào nhóm các quốc gia yếu thế, chịu nhiều rủi ro... Việc giải quyết mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh trong hội nhập quốc tế của Việt Nam và chia khóa thành công của hội nhập đang phụ thuộc lớn vào việc nhận thức và giải quyết những vấn đề sau:

*Vấn đề thứ nhất*, mâu thuẫn giữa yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn hội nhập quốc tế với những hạn chế, bất cập của chủ thể giải quyết mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh.

Chủ thể giải quyết mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh trong hội nhập quốc tế của Việt Nam (sau đây gọi chung là chủ thể) là công dân, tổ chức, doanh nghiệp, quốc gia... Và suy cho cùng, chủ thể là những con người. Hội nhập quốc tế càng sâu rộng thì những yêu cầu đối với chủ thể ngày càng cao. Về phương pháp tư duy, chủ thể giải quyết mối quan hệ giữa hợp tác và

đấu tranh cần có tư duy biện chứng, nắm bắt nhanh nhạy, kịp thời, đúng bản chất và tính hai mặt của hội nhập quốc tế đang diễn ra sinh động, với các biểu hiện phong phú, phức tạp, khó lường; từ đó có thể đưa ra được những chủ trương, giải pháp đúng đắn, phù hợp, hiệu quả. Đồng thời, cần hiểu sâu sắc rằng, hội nhập kinh tế quốc tế là một xu hướng tất yếu khách quan; song, rất cần đảm bảo cho nền kinh tế quốc gia phát triển đúng mục tiêu, định hướng; độc lập, tự chủ; hội nhập quốc tế không tách rời mà nằm trong quan hệ biện chứng với mục tiêu, định hướng phát triển của quốc gia. Đặc biệt, là những vấn đề lợi ích quốc gia; độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ...

Về năng lực, chủ thể cần có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khả năng thực hiện, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp, ứng xử, phương pháp tiếp cận, có năng lực sáng tạo trong giải quyết những vấn đề xuất phát và nảy sinh trong hội nhập quốc tế một cách linh hoạt, mềm dẻo phù hợp với tập quán và nhu cầu của từng loại đối tác.

Về cơ cấu, số lượng và chất lượng, chủ thể giải quyết mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh cần đảm bảo tính toàn diện và đồng bộ. Trong đó, coi trọng đội ngũ trí thức khoa học cơ bản, khoa học và công nghệ, khoa học quản lý...

Những yêu cầu nêu trên ngày càng cao, nhưng chủ thể giải quyết mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh

trong hội nhập quốc tế của Việt Nam còn bộc lộ những hạn chế, chưa đáp ứng được những nhu cầu thực tiễn. Cụ thể: phương pháp tư duy siêu hình từ cá nhân đến tổ chức còn khá phổ biến, quá tập trung trong việc giải quyết những tình huống cụ thể, những giải pháp tình thế. Năng lực dự báo, tầm nhìn của chủ thể còn hạn chế, ‘chỉ thấy cây mà không thấy rừng’; trong nhiều trường hợp không thấy được mối quan hệ biện chứng giữa hợp tác và đấu tranh. Điều này dẫn đến kết quả: khi hợp tác thì lơ là, mất cảnh giác; khi đấu tranh thì cực đoan. Mặt khác, việc xác định nội lực, lợi ích của các chủ thể trong hội nhập quốc tế cũng chưa rõ ràng. Khi giải quyết mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh thường quan tâm những lợi ích trước mắt, tuyệt đối hóa một mặt nên không tránh khỏi những khó khăn, lúng túng; những kinh nghiệm có được lại thiên về trực quan, cảm tính, không thể áp dụng đại trà hoặc có áp dụng nhưng không hiệu quả.

Bên cạnh đó, chất lượng chủ thể còn hạn chế nhiều mặt. Những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường đã làm cho không ít người không đứng vững trước những cám dỗ vật chất, vụ lợi, chạy theo lợi ích cá nhân mà quên đi lợi ích của cộng đồng, quốc gia... Nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực lãnh đạo, quản lý, đội ngũ doanh nhân phát triển chậm càng làm trầm trọng thêm những “thua kém” về vốn và công nghệ. Sức cạnh tranh của nền kinh tế nói chung, sức

cạnh tranh của hàng hóa và doanh nghiệp nói riêng thấp; khả năng chiếm lĩnh thị trường của các doanh nghiệp và hàng hóa yếu, thậm chí nhiều hàng hóa và doanh nghiệp có nguy cơ bị ‘thua’ ngay trên sân nhà.

*Vấn đề thứ hai*, mâu thuẫn giữa yêu cầu xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ với việc gắn kết nền kinh tế quốc gia vào các tổ chức kinh tế khu vực và toàn cầu.

Hội nhập quốc tế ngày càng thể hiện không chỉ là một quá trình kinh tế - kỹ thuật mà còn là một quá trình mang đậm màu sắc chính trị. Vì vậy, việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ là một yêu cầu khách quan, là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu mang ý nghĩa “sống còn” của mỗi quốc gia. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ chính là nền tảng để giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia.

Ngày nay, quan hệ quốc tế đã có nhiều thay đổi, những quan hệ lợi ích phức tạp, đan xen dẫn đến trong quan hệ giữa các quốc gia nổi lên xu hướng chung là sự tập hợp lực lượng đan xen, lỏng lẻo, nhất thời, tùy theo lợi ích. Vì vậy, vấn đề xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ càng cần được quan tâm hơn bao giờ hết. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với các quốc gia đang phát triển, vì sự phụ thuộc về kinh tế sẽ có thể mang đến những hậu quả khôn lường về chính trị. Mặt khác, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang làm cho những mối quan hệ kinh tế mang tính toàn cầu, các nền kinh tế gắn kết và “xích lại” gần nhau

hơn. Điều này làm cho những quan niệm truyền thống về chủ quyền, biên giới quốc gia dường như bị lu mờ. Trong bối cảnh đó, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế vừa thống nhất, vừa mâu thuẫn:

- Hội nhập kinh tế quốc tế càng sâu rộng càng làm tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trên nhiều phương diện, đặc biệt là về kinh tế. Từ đó có thể làm suy giảm hay hạn chế sự độc lập, tự chủ về kinh tế của mỗi nước theo quan niệm truyền thống.

- Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng thì sự phân công lao động quốc tế ngày càng theo hướng mỗi quốc gia chỉ cần và chỉ có thể tập trung vào một số ngành, lĩnh vực. Do vậy, nếu quốc gia nào ít quan tâm hoặc “bỏ rơi” những ngành, lĩnh vực kinh tế có lợi thế so sánh, mà chỉ tập trung vào những ngành, lĩnh vực yêu cầu về vốn ít, công nghệ không cao... thì đương nhiên hiệu quả kinh tế thấp và sẽ ngày càng phụ thuộc hơn vào nền kinh tế của các quốc gia khác.

- Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng làm gia tăng sự lưu chuyển của các nguồn vốn mà chính phủ rất khó kiểm soát. Hiện nay, FDI chủ yếu do các công ty xuyên quốc gia cung cấp, đó là những thế lực hùng mạnh. Từ đó, các công ty xuyên quốc gia có thể can thiệp, làm “khuyh đảo” kinh tế và chính trị của nhiều quốc gia, nhất là những quốc gia đang phát triển.

Với những tác động đó, hội nhập kinh tế quốc tế có thể làm thế giới “phẳng” hơn, làm mờ nhạt biên giới giữa các không gian kinh tế quốc gia và dần dần hình thành những không gian kinh tế rộng lớn, bao gồm nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ. Các nền kinh tế quốc gia sẽ mất dần tính độc lập, tự chủ tương đối và trở thành những thực thể kinh tế giống như là những bộ phận của “nền kinh tế toàn cầu”. Điều này trên lý thuyết sẽ đem lại thuận lợi cho các quốc gia đang phát triển. Tuy nhiên trên thực tế, sự phụ thuộc về kinh tế sẽ kéo theo sự phụ thuộc về chính trị. Đồng thời, những nền kinh tế bị phụ thuộc sẽ chịu nhiều rủi ro và ảnh hưởng trầm trọng hơn bởi những tác động tiêu cực từ bên ngoài.

*Vấn đề thứ ba*, mâu thuẫn giữa những hạn chế, bất cập về cơ chế, chính sách, pháp luật quốc gia với những quy định và luật pháp quốc tế.

Theo Quy định tại Điều XVI, khoản 4, Hiệp định Marrakesh về thành lập WTO: “Mỗi nước thành viên sẽ đảm bảo sự thống nhất các luật, quy định và những thủ tục hành chính với những nghĩa vụ của mình được quy định trong các hiệp định.”<sup>(3)</sup>. Như vậy, việc gắn kết mang tính thể chế giữa các nền kinh tế yêu cầu các quốc gia không chỉ mở cửa và thúc đẩy tự do hóa kinh tế; mà còn góp phần xây dựng các thể chế kinh tế quốc tế. Gia nhập WTO nói riêng và hội nhập quốc tế nói chung là tham gia một “sân chơi” với những “luật chơi” cụ thể. Khi

tham gia vào “sân chơi” ấy, các quốc gia rất cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật quốc gia đảm bảo thực hiện đồng bộ, phù hợp với các quy định và luật pháp quốc tế. Những cam kết của quốc gia đối với quốc tế thực chất là những ràng buộc pháp luật quốc gia với các quy định và luật pháp quốc tế. Đồng thời, sự phát triển nhanh và đa dạng của các quan hệ quốc tế cũng đòi hỏi quốc gia phải xây dựng hệ thống cơ chế chính sách, pháp luật đồng bộ để duy trì các mối quan hệ trong “vòng trật tự”, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển.

Trước yêu cầu của thực tiễn hội nhập quốc tế, Việt Nam đã nỗ lực hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách, pháp luật. Tuy nhiên, hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật của Việt Nam còn đang thiếu đồng bộ, chưa theo kịp những biến đổi nhanh chóng của thực tiễn. Đặc biệt, không ít nội dung còn khác biệt, mâu thuẫn với những quy định và luật pháp quốc tế. Từ đó đặt ra những vấn đề:

- Cần bổ sung xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật của quốc gia theo hướng khắc phục triệt để những hạn chế của cơ chế cũ; loại bỏ những kẽ hở pháp luật dẫn đến hành vi gây ảnh hưởng nghiêm trọng lợi ích quốc gia.

- Cần xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách pháp luật đồng bộ, thống nhất và đổi mới. Tuy nhiên, ở Việt Nam nhiều văn bản pháp luật được ban hành từ tính cấp bách của thực

tiễn nên chỉ được xem như những giải pháp tình thế. Chính vì ít xuất phát từ tính thống nhất và đồng bộ của cơ chế, chính sách và pháp luật đã dẫn đến tình trạng nhiều văn bản pháp luật không ổn định, mâu thuẫn... Bên cạnh đó, một số vấn đề cấp bách lại chậm được luật hóa; không ít quy định quan trọng nằm trong các văn bản dưới luật với giá trị pháp lý không cao. Điều này dẫn đến hiệu quả điều chỉnh của hệ thống pháp luật bị hạn chế. Một số quy định pháp luật trong hội nhập quốc tế chưa cụ thể dẫn đến việc áp dụng pháp luật không nhất quán, chưa mang tính hệ thống nên không những không bảo vệ được lợi ích quốc gia, mà thậm chí còn vi phạm những quy định và luật pháp quốc tế.

- Việc xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách và pháp luật cũng như sự vận hành cơ chế, chính sách, pháp luật chưa tuân thủ theo một trình tự khoa học, vì vậy, thiếu tính chặt chẽ, chưa hiệu quả. Bản thân các cơ chế, chính sách, pháp luật nảy sinh từ nhu cầu điều chỉnh của các quan hệ xã hội nhưng có những văn bản còn xa rời thực tế, dựa vào ý muốn chủ quan nên chưa phản ánh kịp sự vận động, phát triển của các quan hệ kinh tế - xã hội...

- Việc chấp hành cơ chế, chính sách, pháp luật của các tổ chức và cá nhân chưa nghiêm; công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả chưa được coi trọng. Có mâu thuẫn giữa trình độ, năng lực của chủ thể nắm quyền lực

nhà nước với yêu cầu xây dựng, quản lý, giám sát hoạt động của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, vừa mâu thuẫn với các quy định và luật pháp quốc tế.

#### **4. GIẢI PHÁP CƠ BẢN GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA HỢP TÁC VÀ ĐẤU TRANH TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM**

Để giải quyết hiệu quả mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh trong hội nhập quốc tế, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó tập trung vào những giải pháp cơ bản sau đây:

*Thứ nhất*, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giải quyết mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Trước hết, các chủ thể cần nhận thức đúng đắn tính hai mặt hợp tác và đấu tranh của quá trình hội nhập quốc tế; tầm quan trọng của việc giải quyết tốt mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh trong môi trường cạnh tranh khắc nghiệt và những tác động trực tiếp của kinh tế thị trường... Hội nhập quốc tế đòi hỏi cán bộ, công chức và người lao động phải làm chủ khoa học - kỹ thuật; giỏi chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực sáng tạo cao; có tính chuyên nghiệp trong hoạt động kinh tế đối ngoại. Bên cạnh đó, mỗi người cần nghiêm túc tu dưỡng, rèn luyện để có phẩm chất đạo đức tốt; quán triệt sâu sắc quan điểm: con người là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội, là nguồn lực của mọi nguồn lực; “cán bộ là gốc của mọi

công việc”, công việc thành công hay thất bại là do cán bộ tốt hay kém; huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng.

Hơn bao giờ hết, các ngành chức năng cần nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khoa học và công nghệ có liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế; chủ động tuyển chọn, đưa người đi đào tạo ở các trường có uy tín trên thế giới; tích cực trao đổi chuyên gia trong và ngoài nước. Đẩy mạnh phát triển giáo dục - đào tạo góp phần tạo động lực thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quan tâm phát triển đội ngũ doanh nhân, cán bộ, nhân viên... trực tiếp tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế. Từng bước đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo; trang bị tri thức chuyên ngành cho đội ngũ cán bộ, doanh nhân ngay từ trong các trường đại học. Đối với đội ngũ doanh nhân, trong điều kiện nhất định có thể từng bước được bổ sung, khắc phục sự thiếu hụt về tri thức thông qua hợp tác, song cần nâng cao những giá trị chuẩn mực đạo đức của dân tộc, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, phê phán sự làm ăn gian dối, bất nhân tạo ra sự nguy hại cho cả cộng đồng.

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giải quyết mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh, Việt Nam cần đổi mới cơ chế, chính sách; đãi ngộ thỏa đáng trong lĩnh vực hội nhập quốc tế theo nguyên tắc: căn cứ hiệu quả thực hiện công việc, thỏa đáng, công bằng và minh bạch, đúng người, đúng



việc nhằm phát huy nguồn lực con người, khơi dậy tiềm năng sáng tạo của họ.

*Thứ hai*, bổ sung, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc giải quyết mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh trong hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay

Việt Nam cần bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách đồng bộ và toàn diện để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế, giải quyết hiệu quả mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh trong hội nhập kinh tế quốc tế. Để có được hệ thống chính sách đồng bộ, phù hợp với những nguyên tắc và luật pháp quốc tế, cần thực hiện tốt những vấn đề sau:

- Bổ sung, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật đồng bộ, phù hợp với các nguyên tắc của các tổ chức kinh tế và luật pháp quốc tế. Rà soát lại hệ thống cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung và những chính sách liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng, để tìm ra những vấn đề cần khắc phục. Việc rà soát này cần kết hợp với việc nghiên cứu thực tiễn hội nhập quốc tế một cách nghiêm túc. Trước mắt, cần ưu tiên vào việc nghiên cứu, bổ sung và ban hành những chính sách liên quan trực tiếp đến hội nhập kinh tế quốc tế như: chính sách về thuế quan và phi thuế quan; về thương mại, đầu tư; về xuất khẩu, nhập khẩu; về đất đai...

- Việc bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách về hội nhập kinh tế quốc tế cần thực hiện theo đúng lộ trình; thường xuyên tổng kết, rút kinh nghiệm để tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện. Đẩy nhanh việc thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng thành pháp luật và các chính sách cụ thể của Nhà nước. Tích cực nghiên cứu, học tập kinh nghiệm hội nhập kinh tế quốc tế của các quốc gia phát triển, đi trước và vận dụng vào điều kiện cụ thể của Việt Nam trên cơ sở giữ vững sự ổn định chính trị, độc lập, chủ quyền quốc gia và định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nghiên cứu sự khác biệt của pháp luật Việt Nam với pháp luật của các quốc gia là đối tác của Việt Nam. Từng bước điều chỉnh, bổ sung những chính sách kinh tế, cơ chế quản lý kinh tế của Nhà nước, xây dựng hệ thống pháp luật phù hợp với pháp luật của các nước có trao đổi thương mại và luật pháp quốc tế để hạn chế những tranh chấp thương mại có thể xảy ra. Đặc biệt, cần tạo môi trường pháp lý thông thoáng, thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa; tôn trọng các nguyên tắc ứng xử quốc tế; thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế về mở cửa thị trường, dỡ bỏ hàng rào thuế quan... Đồng thời, cần cảnh giác, khôn khéo trong ứng xử quốc tế, kiên quyết đấu tranh bảo vệ lợi ích của Việt Nam, trên cơ sở nhận thức đối tác, đối tượng để có những phương pháp đấu tranh phù hợp.

*Thứ ba*, xây dựng môi trường chính trị - xã hội ổn định, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, nâng cao thế và lực của Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

Có thể khẳng định, hòa bình, ổn định là khát vọng và là cơ hội để các quốc gia dân tộc phát triển. Việc giữ vững ổn định chính trị - xã hội góp phần to lớn củng cố, nâng cao uy tín, thế và lực của Việt Nam trong việc giải quyết mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Hiện nay, tình hình quốc tế có những biến đổi nhanh chóng, khó lường. Trong vài thập niên tới, hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục là xu thế lớn, nhưng xung đột sắc tộc và tôn giáo, tranh giành tài nguyên và lãnh thổ, nạn khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia có thể gia tăng cùng với những vấn đề toàn cầu khác như đói nghèo, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, các thảm họa thiên nhiên,... buộc các quốc gia phải có chính sách phối hợp hành động. Thực tiễn phát triển đất nước đã khẳng định sự cần thiết phải có độc lập, tự chủ và bảo vệ chủ quyền quốc gia, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trước sự phát triển với tốc độ, quy mô, hình thức chưa từng thấy của hội nhập quốc tế. Việt Nam cần tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để giữ vững hòa bình, độc lập và chủ quyền quốc gia, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, phát triển kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài. Các địa phương không để xuất hiện những mâu thuẫn, xung đột trong nội

bộ nhân dân và những yếu tố có thể tạo cơ cho các thế lực thù địch can thiệp.

Đặc biệt, trong bối cảnh có những thế lực lợi dụng hội nhập quốc tế, khoác tấm áo hợp tác, đầu tư nhưng thực chất là chống phá công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam, cần kết hợp chặt chẽ hội nhập kinh tế với hội nhập trên các lĩnh vực quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, từng vùng, từng địa phương

Cần nắm vững và bám sát những diễn biến của tình hình trong nước và quốc tế. Những diễn biến ấy không chỉ tạo cơ hội to lớn, mà còn làm xuất hiện những thách thức không nhỏ trong thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ. Mỗi chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế và quốc phòng - an ninh cần hướng tới mục tiêu chung là phát triển kinh tế nhanh, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế hiệu quả và bảo vệ vững chắc nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước trong hoạt động đối ngoại, tích cực quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác cùng phát triển, sẵn sàng là bạn và là đối tác tin cậy của tất cả các nước, là thành viên tích cực và có

trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Tích cực đẩy mạnh toàn diện hoạt động đối ngoại; tập trung nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại góp phần làm cho thế giới ngày càng hiểu đúng, đầy đủ về đất nước con người Việt Nam. Để tạo được sức mạnh tổng hợp, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, vì lợi ích quốc gia dân tộc, cần đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước, tăng cường phối hợp, đẩy mạnh một cách toàn diện ngoại giao Đảng, Nhà nước, ngoại giao nhân dân.

## 5. KẾT LUẬN

Giải quyết mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh trong hội nhập quốc tế

của Việt Nam là vấn đề phức tạp, đòi hỏi sự thận trọng và nghiêm túc từ nhận thức đến hành động. Đồng thời, cần có quá trình với những quy trình và biện pháp chắc chắn và hiệu quả. Những nội dung trên, đặc biệt là việc nhận thức đầy đủ những vấn đề đặt ra đối với việc giải quyết mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh trong hội nhập quốc tế của Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng trong thực hiện đường lối chủ động tích cực hội nhập quốc tế, mở rộng con đường phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. □

## CHÚ THÍCH

<sup>(1), (2)</sup> Theo Ngân hàng Thế giới (2018), “GDP (current US\$)”. *World Development Indicators*. World Bank. Tổng sản phẩm quốc nội GDP (danh nghĩa): Hoa Kỳ: 20.494.100 triệu USD; Trung Quốc: 13.608.152 triệu USD; Việt Nam: 244.948 triệu USD; Tonga (thành viên WTO): 450 triệu USD.

<sup>(3)</sup> <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/Hiep-dinh-Marrakesh-204-WTO-VB-thanh-lap-to-chuc-Thuong-mai-The-gioi-14945.aspx>.

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2016. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen. 1995. *Toàn tập*, tập 2. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
3. Phạm Quốc Trụ. 2011. “Hội nhập quốc tế: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”. <http://www.nghiencuubiendong.vn/toan-cau-hoa-hoi-nhap-kinh-te/2014-hoi-nhap-quoc-te-mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien>, ngày truy cập 31/8/2020.
4. Phạm Xuân Thiên. 2015. *Mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh trong hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
5. Vũ Văn Hiền. 2020. “Xung đột và thỏa hiệp trong quan hệ quốc tế”. <https://www.tapchi-congsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/815791/xung-dot-va-thoa-hiep-trong-quan-he-quoc-te.aspx>, ngày 14/01/2020.
6. World Bank (Ngân hàng Thế giới). 2018. “GDP (current US\$)”. *The World Bank*, <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.CD>, truy cập 15/10/2019.